

Số: 15/2021/QĐST-HNGĐ

NĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Th, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Cụm A, tổ dân phố B, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị H, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở hiện nay: Cụm A, tổ dân phố B, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Đặng Bá Q - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 24/6/2007.

Bà Trương Thị Hồng Nh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Nhật Q, ngày 01/6/2012.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Th, sinh năm: 1974 và chị Hồ Thị H, sinh năm: 1981.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Th và chị Hồ Thị H đã thỏa thuận với nhau: Giao cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2007 và cháu Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2012 cho chị Hồ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một người con là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể: 02 người con x 1.500.000 đồng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung: Anh Nguyễn Th và chị Hồ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Th và chị Hồ Thị H đã tự nguyện thỏa thuận với nhau là anh Th phải chịu nộp 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng số tiền án phí mà anh Nguyễn Th phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Thái đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008297, ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Hồ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Th chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh Th còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Chi cục THADS huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế
- UBND xã T, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế (Đăng ký kết hôn ngày 06/12/2006);
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú